

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 4 – 2022
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Kiên Nhân.
2. Ông Phan Châu Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Cà K1, sinh năm 1983; cư trú tại ấp L1, xã B1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Ngọc K2, sinh năm 1974; cư trú tại ấp B2, xã L2, huyện B3, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 01 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị Cà K1 trình bày:

- Về hôn nhân: Qua mai mối, được sự đồng ý của gia đình, bà và ông Võ Ngọc K2 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 06/9/2004 tại Ủy ban nhân dân xã L2, huyện B3, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông K2 không chí thú làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc (cá độ bóng đá) gây nợ nần. Mặc dù, bà và cha mẹ hai bên có khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông K2 không sửa đổi dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Nên bà và các con bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà sống ly thân với ông K2 từ

tháng 4/2020 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông K2.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Bà và ông K2 có với nhau 02 người con chung tên Võ Thị Ngọc N1, sinh ngày 25/10/2004 và Võ Thị Ngọc N2, sinh ngày 11/12/2007 hiện bà đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con phù hợp với nguyện vọng của các con, không yêu cầu ông K2 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Võ Ngọc K2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà K1 và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Ông K2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông K2 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà K1 và ông K2 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân ông K2 không chí thú làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc gây nợ nần; mặc dù bà K1 và gia đình đã khuyên ngăn nhưng ông K2 vẫn không sửa đổi dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Bà K1 và ông K2 có thời gian sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà K1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với ông K2. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K2 không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị

giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của bà K1. Căn cứ vào lời trình bày của bà K1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa bà K1 và ông K2 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa bà K1 và ông K2.

[2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Bà K1 và ông K2 có với nhau 02 người con chung là cháu N1 đã trên 17 tuổi và cháu N2 đã trên 14 tuổi đều có nguyện vọng được sống với bà K1, hiện các cháu do bà K1 đang nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K2 không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con của bà K1. Để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của các cháu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu N1 và cháu N2 cho bà K1 được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của bà K1 không yêu cầu ông K2 cấp dưỡng cho con, ông K2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết bà K1 phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Cà K1 và ông Võ Ngọc K2.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Võ Thị Ngọc N1, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2004 và cháu Võ Thị Ngọc N2, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2007 cho bà Phạm Thị Cà K1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của bà Phạm Thị Cà K1 không yêu cầu ông Võ Ngọc K2 cấp dưỡng cho con.

2.3. Ông Võ Ngọc K2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Cà K1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà K1 đã nộp theo biên lai thu số NQ 0010751 ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt bà Phạm Thị Cà K1, vắng mặt ông Võ Ngọc K2. Báo cho bà K1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông K2 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã L2: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân